

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày 23-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Luyến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 271/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 11 tháng 07 năm 1995 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHTT: Thôn C, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số A N, Tổ dân phố Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Bá G (đã chết) và bà Đỗ Thị L1; có vợ là Phạm Thùy L2, chưa có con; nhân thân, tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/11/2023; có mặt.

- Bị hại: Chị Ma Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Phấn D, phường A, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/10/2022, Nguyễn Văn L - nguyên là Cán bộ Công an quận K, thành phố Hải Phòng được phân công tham gia tổ công tác thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Văn L3 (sinh năm 1994, trú tại: Phấn D, A, D, Hải Phòng) - đối tượng đã đầu thú về hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Trong quá trình khám xét tại nơi ở của L3, lúc không ai để ý, L đã lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu đỏ, 01 thẻ ngân hàng B, 01 thẻ ngân hàng V, 01 chứng minh nhân dân của chị Ma Thị H (sinh năm 1996, trú tại: Phấn D, A, D, Hải Phòng) là vợ của L3 rồi bỏ vào túi quần. Sau đó, Lưu mở điện thoại, truy cập vào ứng dụng smartbanking tài khoản ngân hàng B số 32310000559860 của chị H, phát hiện trong tài khoản có tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. L gọi điện cho Bùi Văn D (sinh năm 1993, trú tại: Thôn C, C, Đ, Thái Bình) trao đổi có người chuyển số tiền 61.500.000 đồng đến tài khoản số 8959138668 của D mở tại ngân hàng T1, Lưu trả nợ D 30.000.000 đồng, còn lại 31.500.000 đồng D chuyển lại cho L. Thực hiện yêu cầu của L, D đã chuyển trả lại số tiền 31.500.000 đồng vào tài khoản số 104869410649 mở tại ngân hàng V1 của Nguyễn Văn L.

Sau khi chuyển tiền xong, L đã rút 02 thẻ ngân hàng, 01 điện thoại trên xuống sông L; trả lại 01 chứng minh nhân dân cho chị H. Do chị H phát hiện bị mất số tiền 61.500.000 đồng và nhiều lần gọi điện và tìm gặp L cùng tổ công tác hỏi về việc bị mất tiền nên ngày 03/3/2023, Nguyễn Văn L thuê ông Nguyễn Văn T (sinh năm 1965, trú tại: Số E ngõ C T, tổ A, Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình) chuyển vào tài khoản nêu trên của chị H số tiền 61.500.000 đồng với nội dung "Tra tien chuyen nam ngay 21/10/2022. BUI VAN BINH". Phát hiện ông T ghi nhầm nội dung chuyển tiền, L tiếp tục nhờ chị Đinh Thị Như N (sinh năm 1992, trú tại: Thôn V, T, Đ, Thái Bình) chuyển số tiền 200.000 đồng vào tài khoản của chị H với nội dung "Tra tien chuyen nam ngay 21/10/2022 vua chuyen 61.5tr (Bui Van D1)".

Ngày 01/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H đã tiến hành khám xét chỗ ở của L tại địa chỉ số A N, TDP Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại Kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐĐGTS ngày 13/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận K xác định: Chiếc điện thoại Realme C12 màu đỏ đã qua sử dụng có giá trị 1.650.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bị cáo khai bị cáo không thuộc thành phần trong quyết định để khám xét nhà đối tượng L3 nhưng được đội trưởng chỉ đạo là thành phần tham gia buổi khám xét. Những đồ vật mà bị cáo lén lút chiếm đoạt khi tham gia khám xét là điện thoại, thẻ ngân hàng, chứng minh thư nhân dân của chị H không thuộc đối tượng thu giữ khi khám xét; bị cáo không được xem và không được ký biên bản khám xét vì không phải thành phần trong quyết định khám xét. Khi bị cáo lấy những tài sản, đồ vật này không có ai trong đoàn biết, chị H cũng không biết. Sau khi khám xét xong nhà chị H, bị cáo về cơ quan thấy tài khoản ngân hàng của chị H có tiền mới nảy sinh ý định chiếm đoạt. Vì vậy, bị cáo vào nhà vệ sinh thực hiện việc lén lút chuyển khoản “internet banking” để chiếm đoạt tiền từ tài khoản

của chị H. Bị cáo L xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo ngoài xã hội vì bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình công tác được khen thưởng... Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo chuyển trả cho chị H thừa, bị cáo không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa thấy có căn cứ về việc bị cáo “lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 (bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có thành tích trong công tác) Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo:

Nguyễn Văn L mức án tù 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tổng số tiền 61.700.000 đồng, 3.000.000 đồng bồi thường thiệt hại đối với chiếc điện thoại, 10.000.000 đồng bồi thường tổn thất về tinh thần và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: 01 chứng minh thư nhân dân đã được trả lại cho chị H. 02 thẻ ngân hàng, 01 điện thoại của chị H bị cáo đã vứt đi không thu hồi được; bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị cáo L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về căn cứ xác định tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo:

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, kết luận định giá, vật chứng thu giữ có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 21/10/2022, trong khi tham gia khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Hoàng Văn L3; Nguyễn Văn L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Ma Thị H (là vợ của Hoàng Văn L3) 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C12 màu đỏ đã qua sử dụng trị giá 1.650.000 đồng và số tiền 61.500.000 đồng trong tài khoản số 32310000559860, tại ngân hàng V của chị Ma Thị H. Tổng giá trị tài sản bị cáo L chiếm đoạt của chị H là 63.150.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3] Bị cáo tuy không thuộc thành phần khám xét có tên trong quyết định khám xét nhưng là cán bộ điều tra được đội trưởng chỉ đạo tham gia vào hỗ trợ buổi khám xét và bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản trong quá trình khám xét nhà của đối tượng Hoàng Văn L3 (là chồng bị hại H) nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

- Về tình tiết giảm nhẹ:

[4] Bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen trong quá trình học tập, công tác nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Bị cáo L nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; việc bị cáo chấp hành hình phạt ngoài xã hội không gây nguy hại đến tình hình trật tự, trị an nên có thể xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[6] Bị hại đã nhận số tiền bồi thường 61.700.000 đồng, 3.000.000 đồng bồi thường thiệt hại đối với chiếc điện thoại bị mất và 10.000.000 đồng bồi thường tổn thất về tinh thần, không có yêu cầu gì đối với 02 thẻ ngân hàng; đã được nhận lại chứng minh thư nhân dân và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với anh Bùi Văn D, ông Nguyễn Văn T không được L trao đổi, bàn bạc và không biết nguồn gốc số tiền nhận được từ L, chuyển giúp L là tiền do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

[10] Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo Lưu chuyển trả thừa cho chị H, bị cáo không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm c khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

Nguyễn Văn L 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân phường V, quận K, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại chị Ma Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND cấp cao;
- TANDCC; Vụ 1 - TANDTC;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu